

Số 3084/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2026
trên địa bàn tỉnh.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc áp dụng Nghị quyết về Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của UBND tỉnh ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 357/TTr-SXD ngày 10/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2026 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Bê tông hoá giao thông nông thôn

TT	Danh mục	Loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		A	B	C	D			
1	Các xã, phường phía Tây tỉnh	37,077	89,614	7,506	16,794	150,991	23.090,202	Chi tiết theo phụ lục 1A, 1B đính kèm
2	Các xã, phường phía Đông tỉnh	16,173	94,877	54,307	22,928	188,285	24.774,598	
Tổng cộng		53,250	184,491	61,813	39,722	339,276	47.864,800	

Đối với các tuyến đường giao thông nông thôn đường xã, trục chính xã đăng ký danh mục đầu tư xây dựng với quy mô đường giao thông nông thôn loại A và các tuyến đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã đến các làng, thôn, bản ở các xã, phường có đồng bào dân tộc thiểu số, địa hình bị chia cắt, phức tạp

thuộc các xã, phường miền núi của tỉnh được xem xét hỗ trợ thêm kinh phí (ngoài phần xi măng tỉnh hỗ trợ) phải đảm bảo đầy đủ theo các tiêu chí yêu cầu của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 và các danh mục tuyến đường này phải được Đoàn kiểm tra liên ngành (Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan) kiểm tra, xác nhận và tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định theo đúng quy định.

2. Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng

TT	Danh mục	Loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đường liên xã (đường huyện trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
1	Các xã, phường phía Tây tỉnh	-	11,587	14,231	14,355	40,173	8.221,858	Chi tiết theo phụ lục 2A, 2B đính kèm
2	Các xã, phường phía Đông tỉnh	13,763	50,404	3,468	28,406	96,041	20.433,617	
Tổng cộng		13,763	61,991	17,699	42,761	136,214	28.655,475	

Đối với đường liên xã (các tuyến đường huyện (ĐH) trước đây) hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đạt quy mô đường cấp VI (bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$, chiều dày 22cm, mác bê tông 300 daN/cm²); đối với đường xã hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đạt quy mô đường cấp VI (bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$, chiều dày 20cm, mác bê tông 300 daN/cm²); đối với các tuyến đường giao thông nông thôn loại A hỗ trợ xi măng sửa chữa mặt đường bị hư hỏng có bề rộng $B_m=3,5m$, chiều dày 20cm, mác bê tông 250 daN/cm²; đối với các tuyến đường giao thông nông thôn loại B hỗ trợ sửa chữa mặt đường bị hư hỏng có bề rộng $B_m=3,0m$, chiều dày 18cm, mác bê tông 250 daN/cm².

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh lựa chọn đơn vị cung cấp xi măng theo quy định của pháp luật; tham mưu bố trí, cân đối nguồn kinh phí thực hiện Chương trình theo khả năng cân đối ngân sách và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện Chương

trình theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc cung ứng, giao nhận, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán khối lượng xi măng hỗ trợ, bảo đảm đúng đối tượng, đúng khối lượng, đúng tiến độ, đúng mục đích và đúng quy định của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của UBND tỉnh.

2. Giao Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát, xác nhận các danh mục tuyến đường xã, trục chính xã và các tuyến đường thuộc khu vực miền núi đề nghị hỗ trợ thêm kinh phí theo quy định của Chương trình; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Chủ trì hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật trong quá trình triển khai Chương trình; phối hợp kiểm tra hiện trường, tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh; đồng thời theo dõi, đôn đốc các địa phương thực hiện đúng các tiêu chí, điều kiện hỗ trợ theo quy định của Chương trình. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Giao UBND các xã, phường

a) Bố trí nguồn vốn đối ứng theo cơ cấu nguồn vốn của Chương trình; huy động và quản lý các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đăng ký, đối tượng được hỗ trợ, khối lượng đề nghị hỗ trợ xi măng; quản lý, sử dụng xi măng đúng mục đích, đúng đối tượng, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

c) Tổ chức thi công bảo đảm chất lượng công trình, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy mô kỹ thuật quy định của Chương trình; nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng và thực hiện công tác quản lý, bảo trì theo quy định.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Sở Xây dựng; trường hợp phát hiện đăng ký sai đối tượng hoặc sử dụng xi măng không đúng quy định thì chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các danh mục tuyến đường không còn đủ điều kiện thực hiện hoặc phát sinh nhu cầu điều chỉnh, thay thế danh mục nhưng không làm thay đổi tổng khối lượng xi măng được giao và vẫn bảo đảm các tiêu chí của Chương trình, UBND các xã, phường báo cáo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây

dụng, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh, CV;
- Lưu: VT, X2.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng